

**TỔNG CÔNG TY  
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 4
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 51

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (SAMCO) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 1. Công ty

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty có các đơn vị sản xuất và kinh doanh hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành (tên cũ Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Công Nghiệp và Dịch Vụ Ô Tô
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Dịch vụ Ô Tô Isuzu An Lạc
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc (tên cũ Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành (tên cũ Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô Chuyên dùng An Lạc
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại Hà Nội (Samco Hà Nội)
- Nhà máy ô tô thương mại Samco.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:

- Sản xuất, đóng mới, lắp ráp các phương tiện vận tải ô tô, phụ tùng ô tô các loại và các sản phẩm công nghiệp khác;
- Sản xuất và kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác, các thiết bị cơ khí phục vụ vệ sinh môi trường, thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa dàn khoan và các công trình trên sông, trên biển;
- Kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp hàng hải và dầu khí;
- Cải tạo, sửa chữa ô tô, sửa chữa các phương tiện đường bộ và cung cấp dịch vụ bảo hành ô tô;
- Đại lý, ký gửi hàng hóa, mua bán xe ô tô các loại, máy móc phụ tùng, các loại động cơ nổ, hàng trang trí nội thất, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu nhớt, khí hóa lỏng;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư phụ tùng, vật liệu xây dựng chuyên ngành giao thông công chánh;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghiệp, máy móc, phụ tùng cho ngành giao thông công chánh, xăng, dầu, nhớt, gas, mõ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, thiết bị trạm xăng dầu, phương tiện giao thông vận tải. Thiết bị chế tạo và thiết kế đóng mới các loại phương tiện giao thông đường bộ;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp, thiết bị, phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo, giáo dục định hướng và đưa người lao động, chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hành khách liên tỉnh, hành khách công cộng thành phố (xe buýt), hành khách du lịch, du lịch lữ hành trong nước, quốc tế bằng đường bộ, đường thủy theo luồng tuyến cố định và theo hợp đồng kinh tế;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sông, đường biển trong nước và ngoài nước;
- Khai thác, kinh doanh bến xe khách, bến xe tải, bến tàu sông, cảng sông, bến thủy nội địa, cảng biển, tổ chức xếp dỡ, bảo quản giao nhận hàng hóa, trung chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy, trung chuyển hàng hóa bằng container;
- Dịch vụ, đại lý: vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hóa cho tàu trong và ngoài nước;
- Tổng thầu xây dựng và tư vấn xây dựng các công trình cầu, đường bộ, bến, bãi đậu xe, cảng sông, cảng biển, bờ kè. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, thoát nước, thủy lợi, công viên cây xanh, đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công trình điện trung – hạ thế. San lấp mặt bằng. Nạo vét kênh, rạch;
- Thiết kế cải tạo và thiết kế đóng mới các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh và cho thuê kho, bến bãi, nhà xưởng, nhà Ở, văn phòng làm việc;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác.

Trong năm 2021, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

## **2. Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát viên trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng thành viên**

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Phạm Quốc Huy	Việt Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 01/07/2021)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Việt Nam	Chủ tịch (đến ngày 01/07/2021)
Ông Trần Quốc Toản	Việt Nam	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Thành viên
Ông Kiều Nam Thành	Việt Nam	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toản	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tám	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Võ Ngọc Thùy	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toản	Việt Nam	Tổng Giám đốc

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tuỳ thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**7. Công bố các báo cáo tài chính**

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính định kỳ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh định kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Ông TRẦN QUỐC TOÀN  
Tổng Giám Đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**ĐẶNG THỊ MỸ VÂN**  
**Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0173-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**NGUYỄN MẠNH PHÚ**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5556-2021-009-1

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.368.381.790.793</b>	<b>1.786.085.710.264</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	79.584.071.840	462.264.985.894
Tiền	111		79.584.071.840	462.264.985.894
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		521.140.203.048	521.326.597.958
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	455.450.082.084	379.642.762.820
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	18.158.627.955	10.329.657.316
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.203.286.634	3.203.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	114.217.958.254	159.879.296.591
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(72.902.111.738)	(34.731.915.793)
Tài sản thiêu chờ xử lý	139		3.012.359.859	3.003.510.390
Hàng tồn kho	140	5.8	702.535.314.223	793.291.126.330
Hàng tồn kho	141		754.253.977.127	793.291.126.330
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51.718.662.904)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		65.122.201.682	9.203.000.082
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	958.442.870	4.054.565.308
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.162.977.806	124.242.569
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	61.000.781.006	5.024.192.205
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.005.124.365.597</b>	<b>3.073.064.360.150</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		48.707.490.140	48.697.490.140
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	48.707.490.140	48.697.490.140
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		1.162.761.758.131	1.263.176.747.731
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.160.440.006.045	1.260.144.184.712
Nguyên giá	222		1.879.221.530.492	1.886.931.753.271
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(718.781.524.447)	(626.787.568.559)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	2.321.752.086	3.032.563.019
Nguyên giá	228		9.150.092.366	9.020.060.366
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.828.340.280)	(5.987.497.347)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		375.605.695.135	376.419.893.545
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	375.605.695.135	376.419.893.545
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.321.801.681.879	1.305.466.123.593
Đầu tư vào công ty con	251		464.887.702.214	464.887.702.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		914.717.399.892	914.717.399.892
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(58.003.420.227)	(74.338.978.513)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		96.247.740.312	79.304.105.141
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	96.247.740.312	79.304.105.141
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.373.506.156.390</b>	<b>4.859.150.070.414</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.915.028.731.208</b>	<b>2.434.596.675.728</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.042.087.019.114</b>	<b>1.504.538.110.079</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	168.323.903.869	171.837.580.996
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	43.090.015.755	38.514.572.998
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	6.580.579.956	108.737.478.416
Phải trả người lao động	314		47.627.737.534	33.131.111.877
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	6.810.127.554	15.524.332.790
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17.1	781.952.346	932.875.038
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	17.424.535.537	28.363.646.252
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	626.986.615.419	976.384.355.840
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	124.461.551.144	131.112.155.872
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>872.941.712.094</b>	<b>930.058.565.649</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17.2	126.877.329.490	135.523.034.837
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	378.868.019.243	377.332.501.683
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	344.467.416.313	380.467.416.313
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.21	22.728.947.048	36.735.612.816

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
 Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.458.477.425.182</b>	<b>2.424.553.394.686</b>
Vốn chủ sở hữu	410	5.22	<b>2.458.477.425.182</b>	<b>2.424.553.394.686</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.796.569.000.000	1.796.569.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		661.908.425.182	622.670.197.036
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	5.314.197.650
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.373.506.156.390</b>	<b>4.859.150.070.414</b>




NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG  
 Người lập biểu

HUỲNH THỊ HẠNH  
 Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOẢN  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.053.896.481.379	4.616.481.601.431
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	3.053.896.481.379
Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.097.705.269.887
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>(43.808.788.508)</b>	<b>4.546.588.792.024</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	489.782.304.042	458.852.515.607
Chi phí tài chính	22	10.721.485.472	125.922.118.187
- Trong đó, chi phí lãi vay	23	27.030.238.002	93.951.326.501
Chi phí bán hàng	25	207.218.024.672	238.747.564.282
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	137.889.347.854	109.209.093.656
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>90.144.657.536</b>	<b>54.866.548.889</b>
Thu nhập khác	31	50.048.947.050	75.463.955.652
Chi phí khác	32	4.607.438.956	5.512.102.136
<b>Lợi nhuận/ (lỗ) khác</b>	<b>40</b>	<b>45.441.508.094</b>	<b>69.951.853.516</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>135.586.165.630</b>	<b>124.818.402.405</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.15	17.034.317
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>135.569.131.313</b>	<b>124.799.668.351</b>

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG  
Người lập biểu

HUỲNH THỊ HẠNH  
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	135.586.165.630	124.818.402.405
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	113.998.662.577	133.953.905.676
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	73.553.300.563	41.466.349.108
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	6.200.013
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(483.585.328.270)	(460.404.266.651)
Chi phí lãi vay	06	27.030.238.002	93.951.326.501
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(133.416.961.498)</b>	<b>(66.208.082.948)</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(126.540.391.047)	35.724.695.985
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	39.037.149.203	102.950.362.168
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	783.153.288	(77.605.364.267)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(15.884.093.948)	19.339.160.718
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.030.238.002)	(93.951.326.501)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.097.690)	(40.894.717)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	250.660.000	137.940.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(52.279.828.409)	(72.128.559.349)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(315.095.648.103)</b>	<b>(151.782.068.911)</b>
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(16.746.852.301)	(47.170.041.564)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	5.758.002.763
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	515.293.373.238	629.878.291.704
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>498.546.520.937</b>	<b>588.466.252.903</b>
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đí vay	33	5.079.110.744.671	3.366.272.121.476
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.464.508.485.092)	(3.574.079.991.078)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(180.734.046.467)	(274.875.870.388)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(566.131.786.888)</b>	<b>(482.683.739.990)</b>
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(382.680.914.054)</b>	<b>(45.999.555.998)</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	462.264.985.894	508.270.741.905
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>61</b>	-	(6.200.013)
	<b>70</b>	<b>79.584.071.840</b>	<b>462.264.985.894</b>



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG  
Người lập biểu

HUỲNH THỊ HẠNH  
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Trong kỳ, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

**1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc Tổng Công ty****Công ty con trực tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cẩu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	Số 163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiêm đêm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường.Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần	51,00%	51,00%	51,00%

**Công ty liên doanh**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch	50,00%	50,00%	50,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phân sở hữu
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Cảng Phú Định	Số 14, đường số 1 - Hố Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa	16,17%	16,17%	16,17%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	14/4A Thân Nhân Trung, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ôtô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ôtô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ôtô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.101 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.196 người).

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tồn thắt có thể xảy ra.

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

#### Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cỗ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cỗ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thắt đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tồn thắt do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tổng Công ty áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tồn thắt do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

#### Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

### 4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

### 4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

### 4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

### 4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.15 Tiền lương

Tổng Công ty ghi nhận tiền lương căn cứ vào Thông báo số 42222/TB-SLĐTBXH ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Sở lao động Thương binh xã hội về quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của Tổng Công ty.

### 4.16 Các khoản trích theo lương

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, tính vào chi phí được giảm 0,5% phần nộp vào quỹ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, doanh nghiệp không phải trích vào chi phí 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

### 4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

#### Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Doanh thu từ xây dựng

Doanh thu xây dựng ghi nhận theo khối lượng thực hiện được chủ đầu tư xác nhận và Tổng Công ty đã xuất hóa đơn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Doanh thu hoạt động tài chính

#### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### Cỗ tức, Lợi nhuận còn lại

Cỗ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cỗ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### Thu nhập khác

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản tiền thường của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu; Các khoản thu nhập khác.

### 4.19 Giá vốn

Giá vốn hàng hóa bao gồm giá mua hàng, chi phí mua hàng và các chi phí khác liên quan trực tiếp. Giá vốn dịch vụ sửa chữa bao gồm tiền nhân công và giá trị phụ tùng thay thế.

Giá vốn thành phẩm sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí chung phân bổ.

Giá vốn công trình xây dựng được kết chuyển theo tỉ lệ khoán trên doanh thu thực hiện, cho các đội xây dựng thuộc Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành.

### 4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

### 4.21 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.22 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên doanh
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Cảng Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Ôtô An Thái	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Công Trình Giao thông Quận 8	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty).

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	3.672.522.115	8.333.437.077
Tiền gửi ngân hàng		
- VND	75.229.748.209	452.658.898.130
- USD (*)	681.801.516	1.272.650.687
	<b>79.584.071.840</b>	<b>462.264.985.894</b>

(\*) Số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 30.183,50 USD tương đương 681.801.516 VND.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.2 Các khoản đầu tư**

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

		31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Đầu tư vào công ty con	(a)	464.887.702.214	464.887.702.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(b)	914.717.399.892	914.717.399.892
Dự phòng giảm giá đầu tư		(58.003.420.227)	(74.338.978.513)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(c)	200.000.000	200.000.000
		<u>1.321.801.681.879</u>	<u>1.305.466.123.593</u>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**(a) Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246.455.000.000	-	(*)	246.455.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	72.000.000.000	-	(*)	72.000.000.000	-	(*)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	3.836.500.000	-	(*)	3.836.500.000	-	(*)
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	25.500.000.000	-	(*)	25.500.000.000	-	(*)
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	12.750.000.000	-	(*)	12.750.000.000	-	(*)
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	81.288.900.000	-	(*)	81.288.900.000	-	(*)
	<b>464.887.702.214</b>	<b>(23.057.302.214)</b>		<b>464.887.702.214</b>	<b>(23.057.302.214)</b>	

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên doanh</b>						
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco Buslines	93.935.921.750	-	(*)	93.935.921.750	-	(*)
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	22.007.742.521	(3.372.678.674)	(*)	22.007.742.521	(2.662.085.213)	(*)
<b>Công ty liên kết</b>						
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	294.000.000.000	(12.152.000.000)	(*)	294.000.000.000	(32.340.000.000)	(*)
Công ty CP Cảng Phú Định	161.700.000.000	-	(*)	161.700.000.000	-	(*)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	29.400.000.000	(10.132.878.087)	((*)	29.400.000.000	(5.479.812.609)	(*)
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	4.906.169.190	(4.760.077.708)	(*)	4.906.169.190	(4.728.029.649)	(*)
Công ty CP Hoà Phú	48.000.000.000	(3.160.655.694)	(*)	48.000.000.000	(4.703.920.978)	(*)
Công ty CP Ôtô An Thái	9.200.000.000	-	(*)	9.200.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	86.406.452.000	-	(*)	86.406.452.000	-	(*)
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	11.050.123.700	-	(*)	11.050.123.700	-	(*)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	<b>31/12/2021</b>			<b>01/01/2021</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	13.839.425.000	-	(*)	13.839.425.000	-	(*)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	88.536.000.000	-	(*)	88.536.000.000	-	(*)
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	16.977.737.881	-	(*)	16.977.737.881	-	(*)
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	33.390.000.000	-	(*)	33.390.000.000	-	(*)
	<b>914.717.399.892</b>	<b>(34.946.118.013)</b>		<b>914.717.399.892</b>	<b>(51.281.676.299)</b>	

(\*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(c) Là giá trị của 20 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

### 5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	8.394.848	-
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	3.128.502.993	3.128.502.993
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	66.800.000.000	34.800.000.000
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	859.810.713	2.556.905.089
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	8.764.290	8.764.290
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	1.955.250	-
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	137.100.854	128.349.750
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	9.146.517.911	10.437.186.265
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	28.665.000.000	32.487.000.000
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty CP TM Ôtô Gia Định	60.100.750.000	60.510.750.000
Công ty CP XD TM Phú Mỹ Lợi	52.872.495.596	52.974.581.596
Các khách hàng khác	233.720.789.629	182.610.722.837
	<b>455.450.082.084</b>	<b>379.642.762.820</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	482.200.000	1.187.700.000
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	-	49.723.173
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty Ôtô Toyota Việt Nam	6.848.767.708	1.431.488.129
Công ty TNHH TM DV Long Thuỷ	1.776.406.500	1.444.093.200
Các nhà cung cấp khác	9.051.253.747	6.216.652.814
	<b>18.158.627.955</b>	<b>10.329.657.316</b>

**5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	2.837.000.000	2.837.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	<b>3.203.286.634</b>	<b>3.203.286.634</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>				
<i>Phải thu lãi cho vay</i>				
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	777.273.863	(777.273.863)	777.273.863	(777.273.863)
<i>Lợi nhuận, cổ tức được chia</i>				
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	79.892.510.894	-	80.552.970.235	-
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	-	-	28.870.806.975	-
Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn	-	-	-	-
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	-	-	5.355.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	1.458.025.171	-	1.458.025.171	-
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	342	-	-	-
<i>Cầm cố, ký quỹ ngắn hạn</i>				
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	30.000.000	-	30.000.000	-
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	-	-	2.000.000	-
<i>Phải thu khác – dịch vụ cung cấp</i>				
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	123.605.791	(123.605.791)	123.605.791	(123.605.791)
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	568.220.000	-	-	-
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	2.600.000.000	-	2.624.704.167	-
<b>Các đối tượng khác</b>				
Bảo hiểm y tế	143.252.155	-	191.282.406	-
Bảo hiểm thất nghiệp	107.498.219	-	122.030.509	-
Tạm ứng	8.230.220.631	-	9.646.849.021	-
Ký quỹ khác	4.397.300.000	(39.300.000)	4.404.300.000	(39.300.000)
Các khoản phải thu khác	15.890.051.188	(1.879.058.238)	25.720.448.453	(1.879.058.238)
	<b>114.217.958.254</b>	<b>(2.819.237.892)</b>	<b>159.879.296.591</b>	<b>(2.819.237.892)</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.6.2 Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>		
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyễn Thị Khương – ký quỹ	38.552.292.000	-	38.552.292.000	-
Công ty TNHH SX – TM Hồng Tiến Phát – ký quỹ	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – ký quỹ	1.075.048.140	-	1.075.048.140	-
Các khoản phải thu khác	1.080.150.000	-	1.070.150.000	-
	<b>48.707.490.140</b>	-	<b>48.697.490.140</b>	-

**5.7 Nợ xấu**

	<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND
<b>Bên liên quan</b>					
Công ty CP Bến Xe Miền Tây – phải thu thương mại	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)	Trên 3 năm	2.600.000
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn – phải thu thương mại	Trên 3 năm	3.128.502.993	(3.128.502.993)	Trên 3 năm	3.128.502.993
– phải thu khác	Trên 3 năm	3.614.273.863	(3.614.273.863)	Trên 3 năm	3.614.273.863
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn – phải thu khác	Trên 3 năm	489.892.425	(489.892.425)	Trên 3 năm	489.892.425
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam – Ứng trước	Trên 3 năm	619.490.295	(619.490.295)	Trên 3 năm	619.490.295
Công ty TNHH Mercedes Benz VN – phải thu thương mại	Trên 3 năm	8.764.290	(8.764.290)	Trên 3 năm	8.764.290
Công ty CP Đóng tàu An Phú	Trên 3 năm	3.003.510.390	(3.003.510.390)	Trên 3 năm	3.003.510.390
<b>Các khách hàng khác</b>					
Công ty TNHH Quốc Đạt	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)	Trên 3 năm	5.128.185.922
Công ty TNHH TM DV Phượng Hoàng	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)	Trên 3 năm	3.122.999.995
Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Công trình Quận Bình Thạnh (1)	Trên 3 năm	5.823.842.377	(5.823.842.377)		5.823.842.377

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

		31/12/2021			01/01/2021		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp (2)	Trên 3 năm	1.907.991.501	(1.907.991.501)	Trên 3 năm	1.907.991.501	(1.907.991.501)	
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Huyện Hóc Môn (3)	Trên 3 năm	1.406.299.000	(1.406.299.000)	Trên 3 năm	1.406.299.000	(1.406.299.000)	
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông (4)	Trên 3 năm	1.258.587.392	(1.258.587.392)				
Công ty CP Tổng hợp Thế Giới Xanh (5)	Trên 3 năm	17.987.231.284	(17.987.231.284)				
Ban quản lý Xây dựng Nông thôn mới Xã Tân Thới Nhì (6)	Từ > 1 năm đến < 2 năm	2.315.457.731	(1.157.728.866)				
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Phú Mỹ Lợi (7)	Từ > 1 năm đến < 2 năm	36.355.248.804	(18.177.624.403)				
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	6.064.586.742	(6.064.586.742)	Trên 3 năm	6.475.562.742	(6.475.562.742)	
		<b>92.237.465.004</b>	<b>(72.902.111.738)</b>		<b>34.731.915.793</b>	<b>(34.731.915.793)</b>	

- (1) Công trình Cống thoát nước hẻm 125-67 Đinh Tiên Hoàng.
- (2) Công trình AB INBEV BINHDUONG BREWERY - Gói 2.
- (3) Công trình Xây lắp đường Thới Tứ - Trung Đông và Công trình đường Xuân Thới Sơn – Xuân Thới Đông.
- (4) Sửa chữa đường Lê Đức Thọ (từ cầu Trường Đại đến cầu Cụt) thuộc GT Xây dựng phần đường + thoát nước + công bô kỹ thuật công trình.
- (5) Khu đô thị Năm Sao - Giai đoạn 1.2 (39ha).
- (6) Công trình Đường Tân Thới Nhì 33-34-35.
- (7) Gồm: Trạm xử lý nước thải KDC Bình Điền, công suất 1100m<sup>3</sup>/ngày (giai đoạn 1); Hệ thống giao thông - Lát gạch vỉa hè thuộc dự án KDC Bình  
Điền; Hệ thống cây xanh Quận 8 thuộc dự án KDC Bình Điền - Nam Sài Gòn - Tp.HCM; Hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa - KDC Bến Lức;  
Đắp đất lấp bờ kè Rạch Lồng Đèn - KDC Bến Lức; Xây dựng bờ kè rạch Lồng Đèn KDC Bình Điền Khu 17 - Khu đô thị mới Nam thành phố;  
San nền lô I2 - KDC Bình Điền; HTKT Lô I2 KDC Bình Điền Phường 7, Quận 8.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số dư đầu năm	34.731.915.793	25.182.806.915
Trích lập trong năm	38.581.171.945	9.549.108.878
Hoàn nhập trong năm	<u>(410.976.000)</u>	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>72.902.111.738</b>	<b>34.731.915.793</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	244.825.416.866	-	306.000.151.920	-
Công cụ dụng cụ	468.780.501	-	394.951.208	-
Chi phí sản xuất dở dang sản xuất xe	52.320.301.473	-	44.473.469.754	-
Chi phí sản xuất dở dang dịch vụ	3.776.310.198	-	4.986.696.928	-
Chi phí sản xuất dở dang các công trình	29.999.045.732		44.882.758.917	
Thành phẩm	276.521.570.972 (51.718.662.904)	283.217.267.494	-	-
Hàng hóa	146.326.365.247	-	109.292.683.814	-
Hàng gửi đi bán	16.186.138	-	43.146.295	-
	<b>754.253.977.127 (51.718.662.904)</b>	<b>793.291.126.330</b>	-	-

**5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ	326.092.805	982.577.535
Thuê mặt bằng	93.727.272	317.761.995
Khác	<u>538.622.793</u>	<u>2.754.225.778</u>
	<b>958.442.870</b>	<b>4.054.565.308</b>

**5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí tiền thuê đất trả trước	61.744.962.794	64.912.571.369
Khác	<u>34.502.777.518</u>	<u>14.391.533.772</u>
	<b>96.247.740.312</b>	<b>79.304.105.141</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.10 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2021	1.358.741.416.511	359.307.344.889	73.215.047.638	17.212.684.979	78.455.259.254	1.886.931.753.271
Mua sắm trong năm	-	528.954.486	12.982.587.632	108.760.000	-	13.620.302.118
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	704.000.000	-	-	-	704.000.000
Giảm do thanh lý	(6.867.145.013)	(2.537.800.180)	(10.405.152.026)	(1.438.250.678)	(786.177.000)	(22.034.524.897)
Tại ngày 31/12/2021	<b>1.351.874.271.498</b>	<b>358.002.499.195</b>	<b>75.792.483.244</b>	<b>15.883.194.301</b>	<b>77.669.082.254</b>	<b>1.879.221.530.492</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2021	300.795.332.886	202.474.765.155	38.541.933.520	15.995.529.980	68.980.007.018	626.787.568.559
Khäu hao trong năm	57.728.764.687	39.240.787.858	11.037.565.459	786.448.844	3.058.134.943	111.851.701.791
Giảm do thanh lý	(6.475.063.393)	(2.517.141.306)	(8.641.113.526)	(1.438.250.678)	(786.177.000)	(19.857.745.903)
Tại ngày 31/12/2021	<b>352.049.034.180</b>	<b>239.198.411.707</b>	<b>40.938.385.453</b>	<b>15.343.728.146</b>	<b>71.251.964.961</b>	<b>718.781.524.447</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2021	1.057.946.083.625	156.832.579.734	34.673.114.118	1.217.154.999	9.475.252.236	1.260.144.184.712
Tại ngày 31/12/2021	<b>999.825.237.318</b>	<b>118.804.087.488</b>	<b>34.854.097.791</b>	<b>539.466.155</b>	<b>6.417.117.293</b>	<b>1.160.440.006.045</b>
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	60.903.350.474	113.766.164.378	18.134.244.264	13.780.088.137	61.787.926.258	268.371.773.511

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 788.830.466.913 VND được thế chấp ở Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 828.266.402.325 VND).

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.11 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2021	9.020.060.366
Mua sắm trong năm	130.032.000
Tại ngày 31/12/2021	<b>9.150.092.366</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2021	5.987.497.347
Khấu hao tăng trong năm	840.842.933
Tại ngày 31/12/2021	<b>6.828.340.280</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2021	3.032.563.019
Tại ngày 31/12/2021	<b>2.321.752.086</b>

Tài sản cố định vô hình có nguyên giá 2.768.489.002 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhưng vẫn còn sử dụng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 2.261.547.002 VND).

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số dư tại ngày 01/01/2021 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	Kết chuyển khác VND	Số dư tại ngày 31/12/2021 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	414.832.000	(344.741.091)	-	70.090.909
Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng-tái định cư tại Phường Long Bình, Quận 9, TP.HCM và Phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	369.912.679.303	645.454.545	-	(64.545.455)	370.493.588.393
Các công trình khác	6.507.214.242	2.280.972.729	(704.000.000)	(3.042.171.138)	5.042.015.833
	<b>376.419.893.545</b>	<b>3.341.259.274</b>	<b>(1.048.741.091)</b>	<b>(3.106.716.593)</b>	<b>375.605.695.135</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	2.651.926.480	7.562.571.196
Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn	257.063.368	73.083.531
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	144.721.000	390.522.432
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	19.532.838.971	19.500.954.761
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	1.657.550.791	638.457.215
Công ty CP Vận tải Ôtô Số 2	1.660.909.091	5.510.181.818
Công ty CP Hoà Phú	6.536.349.475	49.973.909
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	-	16.300.000
Công ty TNHH Dịch vụ Ô Tô Sài Gòn Toyota Tsusho	2.867.700	1.433.850
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty TNHH XD - TM Khải Thành	27.885.347.309	23.798.564.957
Phải trả nhà cung cấp khác	107.994.329.684	114.295.537.327
	<b>168.323.903.869</b>	<b>171.837.580.996</b>

**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty CP Vận tải Ôtô Số 2	-	129.000.000
<b>Các tổ chức khác</b>		
Ban quản lý Dự án đầu tư XD hạ tầng và Phát triển Đô thị Đà Nẵng	14.227.940.000	5.349.960.000
Ban quản lý Dự án đầu tư XD các công trình giao thông	-	13.879.281.608
Các khách hàng khác	28.862.075.755	19.156.331.390
	<b>43.090.015.755</b>	<b>38.514.572.998</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	01/01/2021		<b>Số phát sinh trong năm</b>		31/12/2021	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	10.601.613.474	-	25.615.290.149	32.121.554.162	4.095.349.461	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa (công trình)	416.214.613	-	23.803.630	10.464.000	429.554.243	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	3.565.068.488	3.565.068.488	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	1.616.427.482	1.616.427.482	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.732.801	5.004.859.126	17.034.317	15.097.690	10.669.428	5.004.859.126
Thuế tài nguyên	-	-	3.765.440	3.765.440	-	-
Tiền thuê đất	21.715.773.091	-	37.039.441.129	64.866.965.848	-	6.111.751.628
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			37.979.852	37.979.852	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.774.087.255	3.342.184	9.590.548.525	11.319.651.822	2.045.006.824	3.365.050
Thuế, phí	-	-	22.000.000	22.000.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	72.221.057.182	15.990.895	59.155.317.439	181.241.188.928	-	49.880.805.202
	<b>108.737.478.416</b>	<b>5.024.192.205</b>	<b>136.686.676.451</b>	<b>294.820.163.712</b>	<b>6.580.579.956</b>	<b>61.000.781.006</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế xuất, nhập khẩu*

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế đối với hoạt động chính là 20%.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	135.586.165.630	124.818.402.405
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	57.010.643.152	62.869.028.571
Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(494.379.890.581)</u>	<u>(455.659.446.666)</u>
Thu nhập tính thuế TNDN	<u>(301.783.081.799)</u>	<u>(267.972.015.690)</u>
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động XSKD chính	(301.697.910.215)	(268.065.685.960)
Thu nhập từ hoạt động KD bất động sản	85.171.584	93.670.270
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>17.034.317</u>	<u>18.734.054</u>

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công trình xây dựng	1.968.336.578	13.796.776.303
Bảo hành nghiệm thu xe	<u>4.841.790.976</u>	<u>1.727.556.487</u>
	<u>6.810.127.554</u>	<u>15.524.332.790</u>

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn**

**5.17.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco		
– cho thuê nhà xưởng		
<b>Các đối tượng khác</b>		
Dịch vụ sửa chữa	401.138.088	346.998.653
Giữ xe	<u>380.814.258</u>	<u>585.876.385</u>
	<u>781.952.346</u>	<u>932.875.038</u>

**5.17.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Bên liên quan - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng</b>		
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	87.473.836.721	92.748.640.948
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho	39.403.492.769	41.592.575.705
<b>Doanh thu công trình xây dựng</b>	<u>-</u>	<u>1.181.818.184</u>
	<u>126.877.329.490</u>	<u>135.523.034.837</u>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn		5.613.191.770
– nhận ký quỹ ngắn hạn	-	
<b>Các đối tượng khác</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.000.000	-
Kinh phí công đoàn	1.368.078.702	558.561.544
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	195.434.126	551.926.636
Nhận ký quỹ ngắn hạn	720.488.628	135.000.000
Phải trả khác	<u>15.139.534.081</u>	<u>21.504.966.302</u>
	<b><u>17.424.535.537</u></b>	<b><u>28.363.646.252</u></b>

**5.18.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	370.775.986.999	370.592.986.999
Nhận ký quỹ dài hạn	<u>8.092.032.244</u>	<u>6.739.514.684</u>
	<b><u>378.868.019.243</u></b>	<b><u>377.332.501.683</u></b>

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
- Ngân hàng	(a)	585.886.615.419
- Ký phiếu nội bộ	(b)	5.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả - xem mục 5.19.2	(a)	36.000.000.000
	<b><u>626.986.615.419</u></b>	<b><u>976.384.355.840</u></b>

**(a) Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngân hàng Công Thương Việt Nam		
– CN Thủ Thiêm (1)	108.647.250.000	184.416.590.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC		
– CN TP. Hồ Chí Minh (2)	147.110.880.000	233.989.610.000
Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Sài Gòn (3)	338.998.655.419	433.139.243.840
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 2 (4)	20.788.130.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		
– CN TP. Hồ Chí Minh (5)	<u>6.341.700.000</u>	<u>120.818.912.000</u>
	<b><u>621.886.615.419</u></b>	<b><u>972.364.355.840</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 376/2021-HĐCVHM/NHCT903-SAMCO ngày 18 tháng 10 năm 2021 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh
Thời hạn vay	: 18/10/2021 đến 18/10/2022
Lãi suất vay	: Lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định (theo hợp đồng).
Hình thức đảm bảo	: Quyền sử dụng đất thuê và toàn bộ tài sản trên đất tại 262-264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

(2) Là khoản vay tự động gia hạn theo hợp đồng tín dụng số VNM 162849 ngày 13 tháng 08 năm 2021 từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (VN):

Mục đích vay	: Bổ sung vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh
Thời hạn vay	: Từ 13/08/2021
Lãi suất vay	: Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ
Hình thức đảm bảo	: Không có đảm bảo

(3) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0436/SGN.KHDN/LD21 ngày 31 tháng 12 năm 2021 kèm theo hợp đồng tín dụng số 0435/SGN.KHDN/LD21 ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Thời hạn vay	: 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không vượt quá 13/01/2023
Lãi suất vay	: Căn cứ theo thông báo lãi suất cho vay tại từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ
Hình thức đảm bảo	: Không có đảm bảo

(4) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 9533.21.103.585904TD ngày 15 tháng 07 năm 2021 tại ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 2:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	: 28/05/2021 đến 15/02/2022
Lãi suất vay	: Lãi suất thỏa thuận cụ thể theo từng khế ước vay
Hình thức đảm bảo	: Không có đảm bảo

(5) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 556/2021/HĐTD ngày 15 tháng 07 năm 2021 tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	: 15/07/2021 đến 15/07/2022
Lãi suất vay	: Lãi suất thỏa thuận cụ thể theo từng khế ước vay
Hình thức đảm bảo	: Không có đảm bảo

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**(b) Chi tiết vay ngắn hạn kỳ phiếu nội bộ**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Kỳ phiếu nội bộ	<u>5.100.000.000</u>	<u>4.020.000.000</u>
	<b><u>5.100.000.000</u></b>	<b><u>4.020.000.000</u></b>

Vay ngắn hạn của Công đoàn và cán bộ công nhân viên dưới hình thức phát hành kỳ phiếu nội bộ với thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng. Lãi suất đối với kỳ phiếu 03 tháng là 0,44%/tháng và đối với kỳ phiếu 06 tháng là 0,46%/tháng.

**5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	(*) 190.233.708.156	208.233.708.156
Vay dài hạn Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	(*) 190.233.708.157	208.233.708.157
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
	<b><u>344.467.416.313</u></b>	<b><u>380.467.416.313</u></b>

(\*\*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 139/HĐTD/VTB-VCB-SAMCO ngày 05 tháng 07 năm 2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên:

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, để đầu tư Dự Án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nhà ga Bến xe Miền Đông mới tại Phường Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh – Phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Vốn vay : Mỗi ngân hàng cam kết một khoản cho vay là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng)
- Thời hạn vay : 180 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất vay : Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ (trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm)
- Hình thức đảm bảo : Đảm bảo bằng tài sản: thế chấp toàn bộ tài sản của Dự Án hình thành trong tương lai bao gồm nhưng không giới hạn (công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị của Dự Án) quyền tài sản phát sinh của dự án bao gồm nhưng không giới hạn (quyền phát sinh từ các hợp đồng đầu ra, quyền kinh doanh khai thác bến xe, quyền phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm...)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b> VND	<b>Quỹ thường Ban điều hành</b> VND	<b>Cộng</b> VND
Số dư ngày 01/01/2021	130.854.995.118	257.160.754	131.112.155.872
Tăng trong năm	37.151.661.280	733.828.750	37.885.490.030
Giảm trong năm	(44.401.878.091)	(134.216.667)	(44.536.094.758)
<b>Số dư ngày 31/12/2021</b>	<b>123.604.778.307</b>	<b>856.772.837</b>	<b>124.461.551.144</b>

**5.21 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	<b>Năm 2021</b> VND	<b>Năm 2020</b> VND
Tại ngày đầu năm	36.735.612.816	41.883.466.544
Tăng trong năm	7.220.194.945	7.417.623.456
Giảm trong năm	(21.226.860.713)	(12.565.477.184)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>22.728.947.048</b>	<b>36.735.612.816</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.22 Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2020	1.796.569.000.000	585.993.121.915	5.794.197.650	-	2.388.356.319.565
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước	-	4.280.054.365	-	-	4.280.054.365
Số dư 01/01/2020 sau điều chỉnh	1.796.569.000.000	590.273.176.280	5.794.197.650	-	2.392.636.373.930
Lãi trong năm	-	-	-	124.686.762.351	124.686.762.351
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	35.080.046.869	-	(35.080.046.869)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.187.000.000)	(17.187.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(287.077.167)	(287.077.167)
Tăng, giảm khác	-	(2.716.897.913)	(480.000.000)	-	(3.196.897.913)
Kết chuyển lợi nhuận phải nộp cho chủ sở hữu	-	-	-	(72.132.638.315)	(72.132.638.315)
<b>Số dư 31/12/2020</b>	<b>1.796.569.000.000</b>	<b>622.636.325.236</b>	<b>5.314.197.650</b>	<b>-</b>	<b>2.424.519.522.886</b>
Điều chỉnh số dư đầu năm 2021 theo Thông báo số 37659/TB-SLĐTBXH ngày 17/11/2021 về Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020	-	33.871.800	-	-	33.871.800
<b>Số dư 01/01/2021</b>	<b>1.796.569.000.000</b>	<b>622.670.197.036</b>	<b>5.314.197.650</b>	<b>-</b>	<b>2.424.553.394.686</b>
Lãi trong năm	-	-	-	135.569.131.313	135.569.131.313
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	39.286.126.305	-	(39.286.126.305)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(36.901.001.280)	(36.901.001.280)
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(733.828.750)	(733.828.750)
Giảm do nộp về ngân sách, giảm khác	-	(47.898.159)	(5.314.197.650)	-	(5.362.095.809)
Kết chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(58.648.174.978)	(58.648.174.978)
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>1.796.569.000.000</b>	<b>661.908.425.182</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.458.477.425.182</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Số dư chi tiết quỹ hỗ trợ sắp xếp các doanh nghiệp sau cổ phần hóa**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	-	5.314.197.650
	<u>-</u>	<u>5.314.197.650</u>

**5.23 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
Đô la Mỹ (USD)	30.183,50	55.344,67

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu thuần**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.306.819.463.709	3.507.053.690.130
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	374.835.184.176	569.221.536.507
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	224.702.276.871	321.115.187.493
Doanh thu xây dựng	87.072.709.258	146.820.835.860
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1.585.144.824	511.410.822
Doanh thu khác	<u>58.881.702.541</u>	<u>71.758.940.619</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>3.053.896.481.379</u></b>	<b><u>4.616.481.601.431</u></b>

**Trong đó, doanh thu các bên liên quan**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	23.487.491	47.291.652
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	61.667.476	1.144.094.273
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	54.085.909	61.868.811
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	29.131.006.796	57.653.906.688
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	495.852.450	585.012.315
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	-	18.512.242.692
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho	5.710.889.675	11.345.691.285
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	3.193.518.865	1.031.604.381
Công ty CP Hoà Phú	34.976.000	159.120.000
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	7.168.647	2.256.334.503
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	-	4.279.565
Công ty CP Ôtô An Thái	227.200	25.502.040
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	3.158.465	8.256.835
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	14.312.882	27.398.191
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	586.363.636	20.860.022
Công ty CP Cảng Phú Định	<u>31.264.900</u>	<u>-</u>
	<b><u>39.347.980.392</u></b>	<b><u>92.883.463.253</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.187.801.194.697	3.385.895.630.914
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	415.453.703.673	530.018.583.800
Giá vốn cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	255.913.410.174	327.173.084.368
Giá vốn xây dựng	83.226.617.969	141.598.988.238
Giá vốn dịch vụ bến xe	114.484.732.821	128.301.399.905
Giá vốn khác	40.825.610.553	33.601.104.799
	<b>3.097.705.269.887</b>	<b>4.546.588.792.024</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	225.430.024	415.685.602
Lãi bán các khoản đầu tư	13.700.000	16.000.000
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	485.522.977.240	455.659.446.666
Lãi chênh lệch tỷ giá	68.577.466	145.030.882
Thu nhập tài chính khác	3.951.619.312	2.616.352.457
	<b>489.782.304.042</b>	<b>458.852.515.607</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	27.030.238.002	93.951.326.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.805.756	53.551.456
Trích lập / (hoàn nhập) dự phòng	(16.335.558.286)	31.917.240.230
	<b>10.721.485.472</b>	<b>125.922.118.187</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	29.637.167.372	35.448.015.003
Chi phí vật liệu	939.035.090	1.187.084.924
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.377.425.071	2.725.463.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.744.864.940	10.334.141.491
Chi phí bảo hành	3.763.861.785	7.581.414.205
Chi phí thuê đất, mặt bằng	15.913.845.288	31.634.061.281
Chi phí hoa hồng	4.791.258.489	9.266.737.748
Chi phí bảo hiểm	882.043.755	2.345.424.388
Chi phí bán hàng khác	138.168.522.882	138.225.221.724
	<b>207.218.024.672</b>	<b>238.747.564.282</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2021</b> VND	<b>Năm 2020</b> VND
Chi phí nhân viên quản lý	66.654.364.898	35.870.575.716
Chi phí văn phòng phẩm	330.791.070	479.950.068
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.825.778.408	3.020.909.842
Chi phí khấu hao	3.881.537.633	5.809.149.910
Thuế, phí và lệ phí	1.135.408.063	1.908.195.500
Chi phí dự phòng	38.170.195.945	9.549.108.878
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	25.891.271.837	52.571.203.742
	<b>137.889.347.854</b>	<b>109.209.093.656</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2021</b> VND	<b>Năm 2020</b> VND
Lãi từ thanh lý tài sản	3.431.128.715	4.360.430.747
Thu nhập từ tiền thưởng hoàn thành kế hoạch	1.875.557.992	7.332.480.000
Thu nhập hỗ trợ bán hàng	27.479.115.047	44.556.999.478
Thu từ cho thuê mặt bằng	5.334.804.228	5.333.186.046
Thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng	248.021.000	132.408.112
Thu nhập khác	11.680.320.068	13.748.451.269
	<b>50.048.947.050</b>	<b>75.463.955.652</b>

**6.8 Chi phí khác**

	<b>Năm 2021</b> VND	<b>Năm 2020</b> VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	443.248.043	408.754.897
Chi phí khác	4.164.190.913	5.103.347.239
	<b>4.607.438.956</b>	<b>5.512.102.136</b>

**6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2021</b> VND	<b>Năm 2020</b> VND
Chi phí hàng hóa thương mại	2.187.801.194.697	3.385.895.630.914
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	534.972.487.176	800.602.346.348
Chi phí nhân viên	200.742.750.751	207.494.689.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.962.081.362	133.953.905.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.734.235.559	280.157.789.983
Chi phí khác	123.757.583.345	157.008.217.380
	<b>3.380.970.332.890</b>	<b>4.965.112.579.573</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	<u>5.079.110.744.671</u>	<u>3.366.272.121.476</u>
	<u><b>5.079.110.744.671</b></u>	<u><b>3.366.272.121.476</b></u>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	<u>5.464.508.485.092</u>	<u>3.574.079.991.078</u>
	<u><b>5.464.508.485.092</b></u>	<u><b>3.574.079.991.078</b></u>

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lương và thưởng	4.846.099.806	2.918.634.091

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các công ty liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.667.476	1.144.094.273
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	77.656.795.942	72.387.062.367
Công ty TNHH MTV Xe Miền Đông			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.487.491	47.291.652
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	-	51.704.390.753
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết			
	Doanh thu dịch vụ	3.158.465	8.256.835
	Cỗ tức được chia	690.570.000	652.205.000
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn			
	Doanh thu dịch vụ	14.312.882	27.398.191
	Mua dịch vụ	-	11.409.090
	Cỗ tức được chia	-	6.375.000.000

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty CP Bến Xe Miền Tây			-
	Cỗ tức được chia	2.550.000.000	-
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn			-
	Doanh thu dịch vụ	54.085.909	-
	Mua dịch vụ	686.802.947	1.049.054.983
	Cỗ tức được chia	11.766.720.000	11.031.300.000
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines			
	Doanh thu bán xe, phụ tùng	29.099.816.049	57.636.363.644
	Doanh thu dịch vụ sửa xe	31.190.747	17.534.044
	Lợi nhuận được chia	-	2.550.000.000
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Doanh thu bán phụ tùng và cung cấp dịch vụ	495.852.450	585.012.315
	Mua dịch vụ	1.012.586.383	2.213.296.062
	Mua phụ tùng	-	160.000.000
	Lãi chậm trả	-	557.608.334
	Cỗ tức được chia	422.565.298	-
Công ty CP Hoà Phú			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.976.000	159.120.000
	Mua dịch vụ	411.987.250	239.460.909
	Thuê đất khu công nghiệp	11.556.429.462	15.839.295.796
Công ty CP Ôtô An Thái			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	227.200	25.502.040
	Mua hàng	2.066.822	25.416.262
	Cỗ tức được chia	-	1.800.000.000
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco			
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	15.822.844.917	18.512.242.692
	Mua hàng	6.068.758.306	5.921.851.890
	Lợi nhuận được chia	36.543.545.438	-
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho			
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	4.615.376.964	7.188.500.376
	Doanh thu bán hàng	1.075.409.091	4.157.190.909
	Doanh thu dịch vụ	20.103.620	-
	Mua dịch vụ	23.256.992	-
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây			
	Doanh thu bán xe	-	18.512.242.692
	Doanh thu bán hàng, dịch vụ	7.168.647	2.256.334.503
	Cỗ tức được chia	-	758.662.727
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam			
	Lợi nhuận được chia	320.100.000.000	288.000.000.000

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2			
Mua hàng	39.651.818.179	20.034.945.453	
Doanh thu sửa xe	586.363.636	20.860.022	
Cỗ tức được chia	899.820.562	2.037.328.800	
Mua dịch vụ	-	2.400.000	
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam			
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.193.518.865	1.031.604.381	
Mua hàng	77.420.320.521	213.925.607.625	
Lợi nhuận được chia	33.448.600.000	29.384.806.800	
Chi phí khác	-	-	
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn			
Doanh thu bán phụ tùng	-	4.279.565	

Số dư các khoản phải thu / (phải trả) với các công ty liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	79.892.510.894	80.552.970.235	
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
Phải thu ngắn hạn khách hàng	8.394.848	-	
Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	-	28.870.806.975	
Phải trả người bán ngắn hạn	(2.651.926.480)	(7.562.571.196)	
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn			
Phải thu ngắn hạn khách hàng	3.128.502.993	3.128.502.993	
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.837.000.000	2.837.000.000	
Phải thu ngắn hạn khác – lãi vay	777.273.863	777.273.863	
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn			
Phải thu ngắn hạn khác – cỗ tức	-	5.355.000.000	
Phải thu ngắn hạn khác – ký quỹ		2.000.000	
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn			
Phải thu ngắn hạn khác – cỗ tức	-	-	
Phải trả người bán ngắn hạn	(257.063.368)	(73.083.531)	
Công ty CP Xe khách & Dịch vụ Miền Tây			
Phải thu ngắn hạn	28.665.000.000	32.487.000.000	
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines			
Phải thu ngắn hạn khách hàng	66.800.000.000	34.800.000.000	
Phải trả người bán ngắn hạn	-	(16.300.000)	

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	9.146.517.911	10.437.186.265
	Phải thu ngắn hạn khác	2.600.000.000	2.624.704.167
	Ký quỹ	30.000.000	30.000.000
	Nhận ký quỹ ngắn hạn	-	(5.613.191.770)
	Phải trả người bán ngắn hạn	(144.721.000)	(390.522.432)
Công ty CP Hoà Phú			
	Phải trả người bán ngắn hạn	(6.536.349.475)	(49.973.909)
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	137.100.854	128.349.750
	Phải trả người bán ngắn hạn	(1.657.550.791)	(638.457.215)
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(87.473.836.721)	(92.748.640.948)
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.955.250	-
	Phải trả người bán ngắn hạn	(2.867.700)	(1.433.850)
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(39.403.492.769)	(41.592.575.705)
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn			
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	366.286.634	366.286.634
	Phải thu ngắn hạn khác	123.605.791	123.605.791
Công ty TNHH Mercedes Benz VN			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.764.290	8.764.290
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2			
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	482.200.000	1.187.700.000
	Phải thu ngắn hạn khác – cỗ tức	342	-
	Phải trả người bán ngắn hạn	(1.660.909.091)	(5.510.181.818)
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	(129.000.000)
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam			
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	859.810.713	2.556.905.089
	Phải thu ngắn hạn khác – cỗ tức	1.458.025.171	1.458.025.171
	Phải thu ngắn hạn khác	568.220.000	-
	Phải trả người bán ngắn hạn	(19.532.838.971)	(19.500.954.761)
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	49.723.173

## 8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tổng Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo,... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8.3 Cam kết thuê****Hợp đồng thuê**

Tổng Công ty có các hợp đồng thuê đất phải trả hàng năm sau:

Địa điểm thuê	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
• Số 262-264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	01/01/1996-01/01/2046	11.018,00 m <sup>2</sup>
• Số 285 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	20/01/1996-31/12/2020	318,40 m <sup>2</sup>
• Số 708 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6	05/12/2005-31/12/2020	1.224,00 m <sup>2</sup>
• Số 444 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10	13/08/2007-13/08/2057	846,10 m <sup>2</sup>
• Số 36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	13/09/2013-01/01/2046	8.473,40 m <sup>2</sup>
• Số 295 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	04/08/2003-04/08/2053	637,60 m <sup>2</sup>
• Số 79 – 81 (số cũ 6/6) Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức	01/12/2006 – chưa xác định	5.833,75 m <sup>2</sup>
• Số 01 Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9	ngắn hạn (*)	8.078,50 m <sup>2</sup>
• Số 121-139 Cô Giang, Quận 1	21/05/2009 - 21/05/2059	13.479,90 m <sup>2</sup>
• 1135.QL1A, P.Tân Tạo, Quận Bình Tân	15/06/1998 - 15/06/2048	3.592,00 m <sup>2</sup>
• 1450 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 6	03/03/2009 - 03/03/2059	179,70 m <sup>2</sup>
• Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 1	16/06/2003 - 16/06/2053	48.232,00 m <sup>2</sup>
• Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ôtô Củ Chi TC Khu 2	26/05/2009 - 22/07/2054	7.375,30 m <sup>2</sup>
• Khu vị trí 1 tại đường Hoàng Hữu Nam và đường số 13, phường Long Bình, quận 9 (**)	03/02/2017 - 03/02/2067	123.016,40 m <sup>2</sup>
• Khu 2: Thửa đất 8,7m <sup>2</sup> tại phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Bến xe Miền Đông mới) theo thông báo số 67/TB-CCT(TTĐ) ngày 5/05/2020	06/06/2017 - 03/02/2067	36.968,80 m <sup>2</sup>

(\*) Thời gian thuê là ngắn hạn hàng năm, cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch.

(\*\*) Chưa có hợp đồng thuê đất.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trong vòng một năm	38.159.082.265	49.514.441.737
Trong vòng hai đến năm năm	150.455.674.887	187.316.368.111
Trên năm năm	<u>1.243.019.369.903</u>	<u>1.650.456.734.582</u>
	<b><u>1.431.634.127.055</u></b>	<b><u>1.887.287.544.430</u></b>

**8.4 Thông tin so sánh**

Tổng Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 căn cứ theo Thông báo số 37659/TB-SLĐTBXH ngày 17 tháng 11 năm 2021 về Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 và phân loại lại cho phù hợp. Ảnh hưởng của việc trình bày lại cụ thể như sau:

**Bảng Cân đối kế toán**

	Mã số	Số dư 31/12/2020 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số dư 31/12/2020 sau điều chỉnh VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.012.117.220	12.074.985	5.024.192.205
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	108.636.984.564	100.493.852	108.737.478.416
Phải trả người lao động	314	33.244.017.877	(112.906.000)	33.131.111.877
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	131.121.540.539	(9.384.667)	131.112.155.872
Quỹ đầu tư phát triển	418	622.636.325.236	33.871.800	622.670.197.036

**Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh**

	Mã số	Năm 2020 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2020 Sau điều chỉnh VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	109.321.999.656	(112.906.000)	109.209.093.656

**Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ**

	Mã số	Năm 2020 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2020 Sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận trước thuế (Tăng), giảm các khoản phải thu	01 09	124.705.496.405 35.736.770.970	112.906.000 (12.074.985)	124.818.402.405 35.724.695.985
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(77.504.533.252)	(100.831.015)	(77.605.364.267)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

  
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG  
Người lập biếu

  
HUỲNH THỊ HẠNH  
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN

Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Phụ lục số 03

**MẪU SỐ 01**  
**BÁO CÁO CHỈ TIÊU NGOẠI BẰNG**  
**KỲ BÁO CÁO NĂM 2021 (Công ty mẹ)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

D: *Ghi số dư của khoản mục, P: Ghi số phát sinh trong kỳ báo cáo*

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>1. Nợ phải thu khó đòi</b>		D (đồng)	(72.902.111.738)	(34.731.915.793)
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)	38.581.171.945	9.549.108.878
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)	410.976.000	0
<b>2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước</b>		D (đồng)	626.986.615.419	976.384.355.840
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	621.886.615.419	972.364.355.840
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)	5.100.000.000	4.020.000.000
<b>3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài</b>		D (đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	0	0
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D (đồng)	0	0
<b>4. Vay và nợ dài hạn trong nước</b>		D (đồng)	344.467.416.313	380.467.416.313
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)	344.467.416.313	380.467.416.313
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	0	0
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)	0	0
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)	0	0
<b>5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài</b>		D (đồng)	0	0
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)	0	0
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)	0	0
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)	0	0
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	0	0
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)	0	0
<b>6. Vốn điều lệ</b>		D (đồng)	1.796.569.000.000	1.796.569.000.000
<b>7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang</b>			103.713.286.211	291.982.243.812
<b>8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN</b>		P (đồng)	136.686.676.451	200.972.934.852
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	72.857.005.503	115.672.896.641
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)	5.181.495.970	13.078.981.029
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	58.648.174.978	72.221.057.182
<b>9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN</b>		P (đồng)	294.820.163.712	389.241.892.453
-Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P (đồng)	180.734.046.467	274.875.870.388
<b>10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyên qua năm sau</b>		D (đồng)	(54.420.201.050)	103.713.286.211

Ghi chú:

Báo cáo này nằm ngoài Báo cáo tài chính của đơn vị. DN căn cứ vào số liệu theo dõi trên sổ sách kế toán để nhập số liệu vào biểu mẫu

*Nơi nhận:*

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng Cục thuế;
- Ủy ban Nhân dân TP.HCM;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM;
- Sở Thông tin và Truyền thông TP.HCM;
- Cục Thống kê TP.HCM;
- Chi cục tài chính doanh nghiệp;
- Ban kiểm soát Tổng công Ty;
- Lưu : VT,TCKT(1b).HT.10.



**TRẦN QUỐC TOẢN**